

**Phụ lục**  
**DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI**  
**TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TRÀNG ĐỊNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ-SYT ngày 10/6/2026 của Sở Y tế)*

STT	Phụ lục số 01 Thông tư số 23/2024/TT-BYT			
	STT (Cột 1)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
1	11	1.11	01. HSCC VÀ CHỐNG ĐỘC	Chăm sóc catheter động mạch
2	146	1.146	01. HSCC VÀ CHỐNG ĐỘC	Cải thở máy bằng phương thức PSV
3	172	1.172	01. HSCC VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt catheter lọc máu cấp cứu
4	233	1.233	01. HSCC VÀ CHỐNG ĐỘC	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch
5	280	1.280	01. HSCC VÀ CHỐNG ĐỘC	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
6	419	2.17	02. NỘI KHOA	Đặt nội khí quản 2 nòng
7	569	2.167	02. NỘI KHOA	Chăm sóc sonde dẫn lưu bề thận qua da/lần
8	570	2.168	02. NỘI KHOA	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch - máu quanh thận/lần
9	574	2.172	02. NỘI KHOA	Chăm sóc ống dẫn lưu bề thận qua da
10	614	2.212	02. NỘI KHOA	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)
11	615	2.213	02. NỘI KHOA	Nội soi niệu quản chẩn đoán
12	618	2.216	02. NỘI KHOA	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang
13	620	2.218	02. NỘI KHOA	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục
14	623	2.221	02. NỘI KHOA	Nội soi bàng quang
15	624	2.222	02. NỘI KHOA	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi
16	631	2.229	02. NỘI KHOA	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang
17	632	2.230	02. NỘI KHOA	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang
18	690	2.288	02. NỘI KHOA	Nội soi ổ bụng
19	692	2.290	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa

20	798	2.396	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)
21	799	2.397	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay
22	803	2.401	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gấp ngón tay
23	804	2.402	02. NỘI KHOA	Tiêm gân nhị đầu khớp vai
24	805	2.403	02. NỘI KHOA	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)
25	806	2.404	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai
26	807	2.405	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)
27	808	2.406	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gót
28	809	2.407	02. NỘI KHOA	Tiêm cân gan chân
29	810	2.408	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống cổ
30	811	2.409	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng
31	1042	2.643	02. NỘI KHOA	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh hen phế quản
32	1043	2.644	02. NỘI KHOA	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống
33	1044	2.645	02. NỘI KHOA	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh xơ cứng bì
34	1045	2.646	02. NỘI KHOA	Vỗ rung cho người bệnh hen phế quản
35	1046	2.647	02. NỘI KHOA	Vỗ rung cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống
36	1047	2.648	02. NỘI KHOA	Vỗ rung cho người bệnh xơ cứng bì
37	1048	2.649	02. NỘI KHOA	Tập vận động cho người bệnh xơ cứng bì
38	1049	2.650	02. NỘI KHOA	Xoa bóp cho người bệnh xơ cứng bì
39	1070	BS_2.671	02. NỘI KHOA	Rửa dạ dày lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm
40	1778	3.657	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
41	1959	3.838	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN viêm quanh khớp vai
42	2001	3.880	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh đau thần kinh tọa
43	2002	3.881	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên

44	2061	3.940	03. NHI KHOA	Nẹp tỳ gối xương bánh chè
45	2062	3.941	03. NHI KHOA	Nẹp 2 tầng dưới gối
46	2063	3.942	03. NHI KHOA	Nẹp 2 tầng trên gối
47	2064	3.943	03. NHI KHOA	Nẹp khớp háng mềm
48	2065	3.944	03. NHI KHOA	Nẹp khớp háng nhựa
49	2066	3.945	03. NHI KHOA	Nẹp cổ-bàn tay
50	2067	3.946	03. NHI KHOA	Nẹp khuỷu tay không khớp
51	2068	3.947	03. NHI KHOA	Nẹp khuỷu tay có khớp
52	2069	3.948	03. NHI KHOA	Nẹp cổ mềm
53	2070	3.949	03. NHI KHOA	Nẹp đỡ cột sống cổ
54	2071	3.950	03. NHI KHOA	Đai cổ cứng
55	2198	3.1077	03. NHI KHOA	Nội soi lấy sỏi niệu quản
56	2442	3.1321	03. NHI KHOA	GMHS thận niệu quản
57	2443	3.1322	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật nội soi ổ bụng
58	2444	3.1323	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật nội soi tuyến giáp
59	2445	3.1324	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật nội soi trong phụ khoa
60	2446	3.1325	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh béo phì
61	2447	3.1326	03. NHI KHOA	An thần cho nội soi đường tiêu hóa
62	2467	3.1346	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh tiểu đường
63	2476	3.1355	03. NHI KHOA	GMHS cho các phẫu thuật TMH
64	2477	3.1356	03. NHI KHOA	GMHS nạo VA ở trẻ em
65	2554	3.1433	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật rách cơ hoành qua đường bụng
66	2555	3.1434	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
67	2561	3.1440	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn
68	2565	3.1444	03. NHI KHOA	Gây mê, gây tê cắt Amidan ở trẻ em
69	2582	3.1461	03. NHI KHOA	Mở khí quản trên người bệnh có

				hay không có ống nội khí quản
70	2593	3.1472	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng nông, trên 20% diện tích cơ thể ở trẻ em
71	2594	3.1473	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng sâu, trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
72	2595	3.1474	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu tiếp, trên 3% diện tích cơ thể trở lên ở trẻ em
73	2596	3.1475	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu toàn lớp, trên 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
74	2599	3.1478	03. NHI KHOA	Ghép da tự thân kiểu tem thư (post stam), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
75	2610	3.1489	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng nông, từ 10% đến 20% diện tích cơ thể ở trẻ em
76	2611	3.1490	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng sâu, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
77	2612	3.1491	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu tiếp, dưới 3% diện tích cơ thể trở lên ở trẻ em
78	2623	3.1502	03. NHI KHOA	Cắt cụt chi thể cấp cứu, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn, đe dọa đến tính mạng
79	2624	3.1503	03. NHI KHOA	Cắt cụt chi thể trong điều trị, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn
80	3222	3.2104	03. NHI KHOA	Vá nhĩ đơn thuần
81	3225	3.2107	03. NHI KHOA	Thủ thuật nong vòi nhĩ
82	3226	3.2108	03. NHI KHOA	Đặt ống thông khí hòm tai
83	3239	3.2121	03. NHI KHOA	Trích rạch màng nhĩ
84	3241	3.2123	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đặt ống thông khí
85	3263	3.2145	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vách ngăn mũi
86	3264	3.2146	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nạo VA đặt ống thông khí
87	3266	3.2148	03. NHI KHOA	Nắn sống mũi sau chấn thương
88	3293	3.2175	03. NHI KHOA	Trích áp xe thành sau họng
89	3297	3.2179	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê

				hoặc gây mê
90	3298	3.2180	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ
91	3358	3.2240	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nạo VA gây mê
92	4421	3.3303	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu môn nhân tạo
93	4431	3.3313	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột
94	4432	3.3314	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng có cắt nối ruột
95	4439	3.3321	03. NHI KHOA	Đóng hậu môn nhân tạo
96	4444	3.3326	03. NHI KHOA	Tháo lỏng bằng bơm khí/nước
97	4459	3.3341	03. NHI KHOA	Phẫu thuật Longo
98	4464	3.3346	03. NHI KHOA	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp
99	4466	3.3348	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn
100	4468	3.3350	03. NHI KHOA	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò
101	4483	3.3365	03. NHI KHOA	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên
102	4484	3.3366	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trĩ độ 3
103	4485	3.3367	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trĩ độ 3
104	4489	3.3371	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trĩ nội máu phức tạp
105	4495	3.3377	03. NHI KHOA	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản
106	4497	3.3379	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trĩ nội máu nhỏ
107	4593	3.3475	03. NHI KHOA	Lấy sỏi san hô thận
108	4600	3.3482	03. NHI KHOA	Dẫn lưu đài bể thận qua da
109	4604	3.3486	03. NHI KHOA	Dẫn lưu bể thận tối thiểu
110	4610	3.3492	03. NHI KHOA	Lấy sỏi niệu quản
111	4612	3.3494	03. NHI KHOA	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
112	4614	3.3496	03. NHI KHOA	Nong niệu quản
113	4642	3.3524	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang

114	4647	3.3529	03. NHI KHOA	Dẫn lưu bàng quang trên xương mu bằng ống thông
115	4780	3.3662	03. NHI KHOA	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay
116	4782	3.3664	03. NHI KHOA	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay
117	4783	3.3665	03. NHI KHOA	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay
118	4794	3.3676	03. NHI KHOA	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles
119	4797	3.3679	03. NHI KHOA	Phẫu thuật gãy Monteggia
120	4798	3.3680	03. NHI KHOA	Cắt cụt cánh tay
121	4799	3.3681	03. NHI KHOA	Tháo khớp khuỷu
122	4800	3.3682	03. NHI KHOA	Cắt cụt cẳng tay
123	4801	3.3683	03. NHI KHOA	Tháo khớp cổ tay
124	4820	3.3702	03. NHI KHOA	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay
125	4821	3.3703	03. NHI KHOA	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn
126	4822	3.3704	03. NHI KHOA	Phẫu thuật viêm tấy bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch
127	4823	3.3705	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dị tật dính ngón, bằng và dưới 2 ngón tay
128	4825	3.3707	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị các dị tật bàn tay, di chứng vết thương bàn tay
129	4845	3.3727	03. NHI KHOA	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liên mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển
130	4846	3.3728	03. NHI KHOA	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu
131	4850	3.3732	03. NHI KHOA	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)
132	4851	3.3733	03. NHI KHOA	Đặt nẹp vít gãy mâm chày và trên đầu xương chày
133	4856	3.3738	03. NHI KHOA	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày
134	4857	3.3739	03. NHI KHOA	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời
135	4856	3.3738	03. NHI KHOA	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày
136	4893	3.3775	03. NHI KHOA	Cắt cụt cẳng chân
137	4897	3.3779	03. NHI KHOA	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác

138	4903	3.3785	03. NHI KHOA	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân
139	4911	3.3793	03. NHI KHOA	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời
140	4913	3.3795	03. NHI KHOA	Tháo khớp cổ chân
141	4914	3.3796	03. NHI KHOA	Tháo khớp kiểu Pirogoff
142	4932	3.3814	03. NHI KHOA	Dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp
143	4933	3.3815	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe cơ đá chấu
144	4941	3.3823	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể
145	4956	3.3838	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột cột sống
146	5195	3.4077	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng
147	5196	3.4078	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa
148	5234	3.4116	03. NHI KHOA	Nội soi lấy sỏi bàng quang
149	5235	3.4117	03. NHI KHOA	Nội soi bàng quang chẩn đoán
150	9154	9.2734	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Hội sức phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến
151	9174	9.2754	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Hội sức phẫu thuật nội soi cắt túi mật
152	9184	9.2764	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Hội sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
153	9232	9.2812	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Hội sức phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa
154	9379	9.2959	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Hội sức phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán
155	9472	9.3052	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
156	9473	9.3053	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản
157	9478	9.3058	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi nong niệu quản hẹp
158	9479	9.3059	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi ổ bụng chẩn đoán
159	9482	9.3062	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản
160	9485	9.3065	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận
161	9486	9.3066	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận

162	9488	9.3068	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
163	10346	9.3927	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận
164	10348	9.3929	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận
165	11505	10.304	10. NGOẠI KHOA	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
166	11507	10.306	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi san hô thận
167	11508	10.307	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang
168	11509	10.308	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
169	11511	10.310	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang
170	11514	10.313	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu đài bể thận qua da
171	11516	10.315	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận
172	11570	10.369	10. NGOẠI KHOA	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu
173	11621	10.420	10. NGOẠI KHOA	Lấy dị vật thực quản đường cổ
174	11622	10.421	10. NGOẠI KHOA	Lấy dị vật thực quản đường ngực
175	11623	10.422	10. NGOẠI KHOA	Lấy dị vật thực quản đường bụng
176	11700	10.499	10. NGOẠI KHOA	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên
177	11701	10.500	10. NGOẠI KHOA	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên
178	11749	10.548	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
179	11755	10.554	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)
180	11773	10.572	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp
181	11833	10.632	10. NGOẠI KHOA	Nối mật ruột bên - bên
182	11834	10.633	10. NGOẠI KHOA	Nối mật ruột tận - bên
183	11897	10.696	10. NGOẠI KHOA	Các phẫu thuật cơ hoành khác
184	11930	10.729	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp
185	11936	10.735	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp
186	11942	10.741	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu

187	11945	10.744	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay
188	11962	10.761	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi
189	11963	10.762	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ máu chuyển xương đùi
190	11964	10.763	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên máu chuyển xương đùi
191	11965	10.764	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi
192	11983	10.782	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
193	11984	10.783	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 mắt cá cổ chân
194	11988	10.787	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên
195	11989	10.788	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót
196	11990	10.789	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương gót
197	11991	10.790	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp Lisfranc
198	11992	10.791	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân
199	11993	10.792	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
200	12033	10.832	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
201	12060	10.859	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay
202	12084	10.883	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè
203	12085	10.884	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi
204	12087	10.886	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille tới muôn
205	12105	10.904	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
206	12112	10.911	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
207	12117	10.916	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương
208	12195	10.994	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột cột sống
209	12205	10.1004	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay

210	12206	10.1005	10. NGOẠI KHOA	Nấn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay
211	12207	10.1006	10. NGOẠI KHOA	Nấn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay
212	12474	BS_10.1273	10. NGOẠI KHOA	Cắt phimosis
213	12476	BS_10.1275	10. NGOẠI KHOA	Cắt chi
214	12477	BS_10.1276	10. NGOẠI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm
215	12479	BS_10.1278	10. NGOẠI KHOA	Kỹ thuật truyền máu hoàn hồi
216	12484	BS_10.1283	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy sỏi thận/niệu quản/bàng quang qua nội soi
217	12644	BS_10.1443	10. NGOẠI KHOA	Cắt chi thép
218	12678	BS_10.1477	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vết thương tuyến giáp
219	12695	11.8	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em
220	12704	11.17	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
221	12710	11.23	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn
222	12713	11.26	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
223	12728	11.41	11. BÔNG	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
224	14196	15.284	15. TAI MŨI HỌNG	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm
225	14197	15.285	15. TAI MŨI HỌNG	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần
226	14198	15.286	15. TAI MŨI HỌNG	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần
227	15012	18.28	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm 3D/4D thai nhi
228	16215	20.58	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi tiêu hóa với gây mê (dạ dày - đại tràng)
229	16242	20.85	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi
230	16243	20.86	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi bàng quang

231	16244	20.87	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi
232	16247	20.90	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật
233	16250	20.93	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi niệu quản chẩn đoán
234	16547	22.112	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng IgG
235	16548	22.113	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng IgA
236	16549	22.114	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng IgM
237	16550	22.115	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng IgE
238	16585	22.150	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
239	17041	22.606	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	OF test (Osmotic fragility test) (Test sàng lọc Thalassemia)
240	17230	23.24	23. HÓA SINH	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]
241	17238	23.32	23. HÓA SINH	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]
242	17271	23.65	23. HÓA SINH	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]
243	17282	23.76	23. HÓA SINH	Định lượng Globulin [Máu]
244	17315	23.109	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ Lipase [Máu]
245	17363	23.157	23. HÓA SINH	Định lượng Transferrin [Máu]
246	17368	23.162	23. HÓA SINH	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
247	17407	23.201	23. HÓA SINH	Định lượng Protein (niệu)
248	17424	23.218	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [dịch chọc dò]
249	17434	23.228	23. HÓA SINH	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)
250	17447	23.241	23. HÓA SINH	Nồng độ rượu trong máu
251	17450	23.244	23. HÓA SINH	Phản ứng CRP
252	17503	BS_23.297	23. HÓA SINH	A/G (tỉ số Albumin /Globulin )
253	17767	24.186	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động

254	17769	24.188	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động
255	17770	24.189	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động
256	18619	27.357	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
257	18620	27.358	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
258	18621	27.359	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận
259	18630	27.368	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi niệu quản để đặt thông JJ hoặc rút thông JJ
260	18640	27.378	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi nông niệu quản hẹp
261	18641	27.379	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản
262	18642	27.380	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản
263	18648	27.386	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi
264	18657	27.395	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt
265	18658	27.396	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi
266	18664	27.402	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi tuyến tiền liệt bằng phương pháp nhiệt
267	18776	27.514	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu ổ áp xe tiền liệt tuyến
268	18781	27.519	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)
269	18784	BS_27.522	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi
270	18785	BS_27.523	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi
271	18810	BS_27.548	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu ổ áp xe tiền liệt tuyến

Tổng: 271 danh mục.